

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH - NGƯỜI TRỌN ĐỜI VÌ KHOA HỌC

LÊ THÀNH Ý

Giáo sư Đào Duy Anh là người nổi tiếng với cụm công trình khoa học - văn hoá - lịch sử Việt Nam, được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học xã hội - nhân văn năm 2000; tuy nhiên, sự nghiệp báo chí và hoạt động cách mạng của ông thì dường như lại ít người được biết. Bài viết đề cập đến một số nét chính về cuộc đời của ông - một nhà hoạt động cách mạng, một người làm báo và là một nhà khoa học danh tiếng của đất nước..

Giáo sư Đào Duy Anh sinh trưởng trong một gia đình trí thức nhỏ ở làng Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, Hà Tây. Cha ông từng làm đề lại ở huyện Nông Cống (Thanh Hoá) nhưng sớm qua đời, để lại người vợ trẻ tần tảo buôn bán để nuôi 7 người con. Ngày nhỏ, ông học chữ Hán; xong tiểu học, ông vào Huế học trường Quốc học, sau đó đi dạy học ở Đồng Hới để kiếm tiền nuôi các em ăn học và từ đây, bắt đầu cuộc đời tự lập tạo nên sự nghiệp của mình.

Mùa đông năm 1925, ông gặp cụ Phan Bội Châu tại thị trấn Đồng Hới, cuộc gặp tuy ngắn ngủi nhưng đã thúc tỉnh ông đi tìm đường cứu nước. Ông được cụ Huỳnh Thúc Kháng giao trọng trách thành lập tờ báo *Tiếng Dân*, một tờ báo lớn tiến bộ đầu tiên ra đời ở Huế năm 1927. Báo *Tiếng Dân* do ông làm chủ bút đã “thét Tiếng Dân giữa kinh thành Huế” trong suốt 16 năm liền, đến 1943 thì bị đình bản. Cũng thời gian này, với sự cộng

tác của các ông Phan Đăng Lưu và Ngô Đức Diễm, ông thành lập Nhà xuất bản *Quan hải tùng thư* và giữ cương vị Tổng Bí thư Đảng Tân Việt. Ông đã cùng các đồng chí trong Tổng bộ tổ chức nhiều hoạt động cách mạng... Theo nhiều người kể lại thì *Quan hải tùng thư* đã được lấy từ câu *Quan hải nan vi thủy* của Mạnh Tử với hàm nghĩa xem biển thì biết việc làm ra nước là rất khó. Ông chỉ mong là, được làm một con chim nhỏ gặp từng hòn sỏi góp phần vào lấp đầy biển học mênh mông, vô bờ, nên lấy biệt hiệu là *Vệ Thạch*.

Dựa trên những sách báo về văn hoá và triết học phương Đông của Trung Quốc; ABC về chủ nghĩa cộng sản, sách của Lenin, Stalin,... sách, báo do những người Cộng sản Pháp gửi sang, ông cùng cộng sự biên soạn và cho xuất bản hàng loạt sách về lịch sử học thuyết kinh tế, lịch sử nhân loại, dân tộc, văn hoá Đông-Tây... Với công việc này, ông đã bắt đầu bước vào sự

nghiệp nghiên cứu và sau này cống hiến trọn cả cuộc đời cho khoa học.

Hồi ký của bà Trần Thị Như Mân có kể lại rằng, tháng 7 năm 1929, do Tú Đàn, một cán bộ của Thanh niên Quảng Trị chỉ điểm, ông và một số đảng viên Tân Việt Cách mạng Đảng bị bắt. Tháng 6 năm 1930, ông được tha với 3 năm tù án treo và bị quản thúc tại nhà. Ra tù, ông quyết định thôi không hoạt động chính trị để tập trung vào nghiên cứu khoa học. Nhân đọc lại những sách của Nhà xuất bản Quan hải từng thư, thấy phần lớn từ Hán-Việt về khoa học, kinh tế và chính trị đều phải có những trang giải thích, ông thấy có thể tập hợp lại để xây dựng thành một cuốn từ điển. Từ ý tưởng này, ông đã dồn hết tâm trí vào tìm tòi, biên tập. Với sự hỗ trợ kiên trì, không mệt mỏi của người vợ tận tảo, giữa năm 1931, quyển thượng và quyển hạ của bộ từ điển Hán-Việt ra đời. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên bằng trí tuệ và công sức của đôi vợ chồng trẻ, khi còn ở tuổi đôi mươi; nó cũng đã góp phần đáng kể vào việc xây dựng nền móng cho khoa học xã hội nước nhà.

Làm xong từ điển Hán-Việt, không để cho thời gian nghỉ, ông bắt tay ngay vào biên soạn cuốn Pháp-Việt từ điển. Dựa trên các bộ Larousse du XX siècle của Pháp, từ điển Hán-Anh-Pháp-ý-Đức mua ở Hong Kong và hàng chục bộ từ điển Pháp-Hoa, Anh-Hoa, Hoa-Pháp, Hoa-Anh, Pháp-Nhật, Việt-Pháp... tham khảo, không có người phụ giúp, bằng trí tuệ và công sức của hai vợ chồng, ông đã hoàn thành một bộ từ điển đồ sộ, in thành nhiều tập cho hợp với khả năng người mua vào năm 1936.

Sau khi xuất bản 2 bộ từ điển, ông dành hầu hết thời gian chuyên tâm nghiên cứu; đặt mua rất nhiều sách báo tham khảo từ Pháp và Trung Quốc để mở mang kiến thức; đi thăm nhiều nhà thế gia để mượn về sao chép những tài liệu lịch sử quý giá mà các thư viện không có. Bằng

cách làm này, ông đã có một tủ sách gồm nhiều thể loại từ nghiên cứu văn học, kinh tế, chính trị và cả khoa học xã hội... Tủ sách gia đình dày công xây dựng là lẽ sống của đời ông, nhưng cũng là nỗi lo lắng, pháp phởng trông chờ mỗi khi phải dời đi nơi khác.

Những năm cuối thập kỷ 1930, ông thường cùng đồng nghiệp, bạn hữu và nhiều nhà khoa học đi du lịch, nghiên cứu, khảo sát ở nhiều vùng đất nước. Mùa hè năm 1942, cùng Nguyễn Thiệu Lâu, một nhà địa lý nổi tiếng, ông đã đạp xe từ Nha Trang đến Đà Lạt để nghiên cứu nhiều địa điểm dọc đường. Sau chuyến đi, bệnh viêm phổi của ông tái phát thành lao, biết bệnh tình nguy hiểm, song ông vẫn không thể rời bỏ được việc nghiên cứu đang làm. Nằm trên giường bệnh, ông vẫn không ngừng đọc sách và chính trong thời gian này, ông đã có những phát hiện quan trọng về vấn đề nguồn gốc dân tộc, để khởi đầu công trình nghiên cứu lịch sử địa lý, được tổng kết trong cuốn sách *Đất nước Việt Nam qua các đời* sau này.

Cách mạng tháng Tám thành công, trong buổi tiếp kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh vào cuối năm 1945, ông đã bày tỏ nguyện vọng được làm khoa học, ông nhận lời với Hồ Chủ tịch, góp sức xây dựng trường Đại học và dạy môn Lịch sử Việt Nam tại trường Đại học Văn khoa.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, dân Hà Nội phải tản cư về vùng tự do, tủ sách chính của ông với nhiều tư liệu tâm huyết nhất chuyển trên chuyến tàu cuối cùng rời khỏi Hà Nội bị thất tán. Trở về khu IV, ông phải làm việc bằng trí nhớ và một số tài liệu từ Huế mang ra để hoàn thành cuốn *Việt Nam lịch sử giáo trình* và giảng dạy cho các lớp văn hoá, góp phần vào đào tạo một lớp trí thức văn nghệ sỹ kháng chiến đầu tiên. Những ngày làm việc ở đây, theo hướng nghiên cứu *điền dã*, ông đã cùng các bạn đi nhiều vùng để xây

dựng cuốn địa chí Thanh Hoá. Ông đã lên các huyện miền núi để nghiên cứu dân tộc Mường; xây dựng bảng từ vựng của một làng Việt có tiếng nói không giống với bất cứ làng nào ở nước ta, làng Bản Thuỷ.

Khi được Trung ương điều động ra Ban Văn-Sử-Địa ở Việt Bắc, ông trở lại nghiên cứu Cổ sử và Lịch sử Việt Nam. Trong điều kiện khó khăn đi lại để thu thập tư liệu ở nhiều vùng xa, cuối năm 1950, bệnh lao tái phát ngày một nặng, ông được tổ chức và gia đình đưa về khu IV chữa chạy. Trở lại Thanh Hoá, ông tiếp tục dạy ở trường dự bị Đại học; tham gia cải cách ruộng đất, nhưng chủ yếu là để nghiên cứu những tư liệu tịch thu được từ những nhà địa chủ sắp đem đi đốt. Với niềm đam mê, ông đem hết sức lực của mình vào việc dạy học, cách làm này, theo ông là dịp để đưa những kết quả tìm tòi, suy nghĩ nhiều năm truyền đạt cho thế hệ sau. Càng làm việc, bệnh lao của ông dường như càng giảm, riêng bệnh sốt rét không còn, niềm vui như được nhân lên. Nhưng khi hoà bình lập lại, có điều kiện kiểm tra mới biết rõ một lá phổi đã teo hết, bấy lâu ông chỉ thở bằng một lá mà thôi.

Về Hà Nội, ông bắt tay vào lo việc tổ chức và giảng dạy ở trường Đại học Văn khoa, sau này đổi thành trường Đại học Tổng hợp. Trong thời gian này ông đã đào tạo được một đội ngũ các nhà sử học nổi tiếng như Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Đinh Xuân Lâm...; đồng thời chỉnh lý, hoàn thiện các bộ sách *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*. Sau vụ Nhân văn giai phẩm, ông không còn được giảng dạy, thay vào đó là làm công việc biên dịch và hiệu chỉnh sách Hán Nôm, công việc này khá phù hợp với ý định khảo chứng và hiệu đính tư liệu đã có từ lâu. Trong hoàn cảnh đơn độc, thiếu người cộng tác, dựa trên những tư liệu tích lũy nhiều năm và những khảo sát điền dã tự làm, ông đã hoàn tất bộ sử *Đất nước Việt Nam qua các*

đời và hàng loạt bài về sự hình thành dân tộc Việt, chưa kể đến nhiều tài liệu viết tay, gửi đi không được dùng, đến nay đang còn thất tán.

Năm 1965, gom nhặt lại tất cả các từ trong truyện Kiều cần giải thích, sau một thời gian miệt mài nghiên cứu, ông đã hoàn thành bản thảo *Từ điển truyện Kiều*. Nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh đại thi hào Nguyễn Du, ông đã gửi gắm tâm sự của mình vào 4 câu thơ:

Ông hỏi đời sau ai khóc mình?

Mà nay bốn biển lại lừng danh.

Cho hay mọi cái đều mây nổi,

Còn với non sông một chữ tình.

Sau Nguyễn Du, ông tập trung vào nghiên cứu, dịch và hiệu đính các tác phẩm của Nguyễn Trãi. Đồng cảm với những nỗi đau oan khuất của Người xưa, ông viết một tập khảo cứu về con người, tư tưởng và sự nghiệp của Nguyễn Trãi.

Miền Nam giải phóng, mặc dù sức khoẻ không còn và bệnh cao huyết áp luôn hành hạ, ông vẫn mang dự định nghiên cứu về người trí thức miền Nam. Ông đã vào Sài Gòn (Tp. Hồ Chí Minh ngày nay) nhiều đợt, tiếp xúc với những trí thức tên tuổi, thu thập nhiều tư liệu, qua đó có thể hiểu rõ hơn những trào lưu tư tưởng và biến động tôn giáo, song tiếc là ông phải ra đi vào cõi vĩnh hằng.

Trong cuốn *Nhớ nghĩ chiều hôm* Đào Duy Anh có viết về cái hứng thú sáng tạo của nhà sử học cũng như của người nghệ sĩ. Chính sự đam mê nghiên cứu, tập trung suy nghĩ đã giúp ông thắng được hai lần lao phổi trong những điều kiện khó khăn. Hơn thế nữa, những năm tuổi già chỉ sống bằng một thùy phổi, thiếu người cộng tác, ông vẫn không ngừng làm việc. Cuộc đời hoạt động khoa học của ông như con tằm rút ruột nhả tơ, cho dù những sợi tơ đó có được dệt thành lụa hay còn trong cái kén thì theo ông, nó vẫn có ích cho đời.